

**CÔNG TY TNHH TM VÀ DỊCH VỤ THANH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM VÀ DỊCH VỤ THANH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109652099

**3. Ngày thành lập:** 28/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 8, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936250205

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                  | 2511        |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                    | 2592(Chính) |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                               | 4101        |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                         | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                      | 4299        |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311        |
| 7.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                  | 4330        |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                             | 4390        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng: xi măng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Mua bán sơn, vecni; Mua bán gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, inox các loại                                                                                                                                                                        | 4662        |
| 11. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                    | 4212        |
| 12. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                               | 4229        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết :<br>- Mua bán phế phẩm, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                | 4669        |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                           | 4759 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô<br>(Điều 9 Nghị định Số: 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)                                                                                                                                                                            | 4933 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô<br>(Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định Số: 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) | 4931 |
| 18. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3320 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                           | 5229 |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: **PHÙNG THẾ ĐỨC**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *11/09/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *112182824*

Ngày cấp: *28/03/2012*

Nơi cấp: *TP Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Đội 6, Khu 13, Thôn Kim Bí, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Đội 6, Khu 13, Thôn Kim Bí, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*